

Số: 454/TB-BVNL

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Hóa chất, sinh phẩm trong thời gian chờ thầu phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2024 của bệnh viện ĐKKV Nghĩa Lộ với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ

Địa chỉ: phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Ông Hoàng Đức Quang - nhân viên phòng vật tư thiết bị y tế

Số điện thoại: 0779256678. Mail: Hoangducquang.YB@Gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Hoặc qua mail: Hoangducquang.YB@Gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 06 tháng 9 năm 2024 đến trước 15h00 ngày 16 tháng 9 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế (Chi tiết theo phụ lục kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý 3+4 năm 2024

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi nhận được đầy đủ hàng hóa và chứng từ theo quy định của pháp luật

5. Các thông tin khác (nếu có):

Nghĩa Lộ, Ngày 06 Tháng 9 năm 2024

GIÁM ĐỐC




(Kèm theo thư mời báo giá số 454/TB-BVND ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Nghĩa Lộ)



TT	Tên chào hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Hóa chất xét nghiệm định lượng thông số điện giải đồ (Na, K, Ca, Cl)	Thuốc thử dùng xét nghiệm định lượng thông số điện giải đồ. Thành phần :Dung dịch Calibrator A 800 mL. dung dịch đệm buffer, chất bảo quản, chất làm âm];Dung dịch Calibrator B 280 mL -Sử dụng trên máy điện giải:ST 200 PRO Electrolyte Analyzer.	ml	6.480	
	Hóa chất rửa máy điện giải đồ	Dùng làm dung dịch rửa trong xét nghiệm điện giải đồ. Thành phần :Dung dịch Alkaline.	ml	180	
	Hóa chất phân tích khí máu 9 thông số	Sử dụng trên máy điện giải:ST 200 Pro Electrolyte Analyzer Dùng để đo các thông số khí máu:pH, pCO ₂ ,pO ₂ , Hct,Na ⁺ , K ⁺ ,Ca ⁺⁺ ,Glucose vàLactate. Sử dụng trên máy phân tích khí máu GEM PREMIER3500.	Test	750	
	Panel thử xét nghiệm định tính Amphetamine, Methamphetamine, Morphine và Marijuana (THC)	- Độ nhạy :100% - Độ đặc hiệu : 100%	Test	200	
	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Malaria Pf/Pv	Phát hiện Pf: Độ nhạy: 92.4%; Độ đặc hiệu: 98.8% Phát hiện Pv: Độ nhạy: 90.5%; Độ đặc hiệu: 98.7%	Test	30	
	Test nhanh phát hiện kháng thể vi khuẩn Giang mai (Syphilis Ab test nhanh)	- Độ nhạy :100% - Độ đặc hiệu : 100%	Test	150	
	Môi trường Mueller Hinton Agar	Thành phần: Beef, dehydrated infusion from ; Casein hydrolysate; Starch ; Agar ; pH (7.3 ± 0.1). Hộp ≥ 500gram.	gram	500	
	Môi trường tạo màu để định danh sơ bộ và phân biệt vi khuẩn	Thành phần: Peptone, Chromogenic mix , Agar , Final pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C. Hộp ≥ 400gram.	gram	400	
	Máu cừu 100mL	Thành phần: Máu cừu, Chai ≥ 100ml.	ml	300	
	Khoanh giấy Cefotaxime 30µg	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn.	Khoanh	250	
	Khoanh giấy Cefotaxidime 30µg	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn.	Khoanh	250	
	Khoanh giấy Trimethoprim 1.25µg/ Sulfamethoxazole 23.75µg	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn.	Khoanh	250	
	Khoanh giấy Norfloxacin 10µg	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn.	Khoanh	250	
	Khoanh giấy Tobramycin 10µg	Khoanh giấy làm kháng sinh đồ cho vi khuẩn.	Khoanh	250	




Môi trường thạch chocolate MELAB Chocolate Agar + MultiVitox	Đĩa thạch sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox, pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	100
Thạch UTI MELAB Chromogenic UTI Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ±0.2 ở 25°C;	Đĩa	20
Môi trường kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc MELAB Mueller Hinton Agar	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Đĩa	150
Môi trường kháng sinh đồ máu cho vi khuẩn khó mọc MELAB Mueller Hinton Agar+ 5% Sheep Blood	Đĩa thạch dùng sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi khuẩn khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride, Sheep Blood, pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Đĩa	50
Môi trường phát hiện, phân lập và đếm số lượng Coliforms và vi khuẩn đường ruột khác .MELAB MacConkey Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường phân lập và phân biệt cho phát hiện các vi khuẩn Enterobacteriaceae trong các mẫu bệnh phẩm có nguồn gốc lâm sàng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C	Đĩa	50
Môi trường kiểm tra Camp test	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Đĩa	150
Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	Dùng định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thành phần gồm 47 thử nghiệm sinh hóa.	Thẻ	100

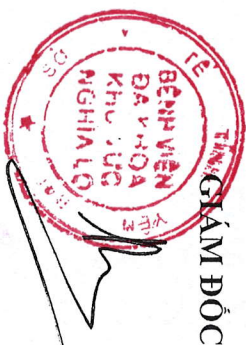
 <p>Hóa chất cấy máu tìm vi khuẩn</p>	<p>Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiệu khí các vi sinh vật từ mẫu máu.</p>	Chai	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB</p>	<p>- Dùng để định lượng CKMB trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần tối thiểu có một số thuốc thử: ADP, Glucose-6-Phosphate-Dehydrogenase, Creatine phosphate, Sodium azide -Sử dụng được trên máy AU480</p>	ml	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CK</p>	<p>- Dùng để định lượng CK trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần tối thiểu có một số thuốc thử :Substrate ADP, G6P-DH, Creatine phosphate, Sodium azide -Sử dụng được trên máy AU480</p>	ml	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng β-HCG</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL</p>	test	200
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CA 19-9</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carbohydrate 19-9 (CA19-9) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 1.0-2000 U/mL</p>	test	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CA72-4</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư 72-4 (CA72-4) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm * Dải báo cáo: 0.2-300 U/mL</p>	test	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng CYFRA 21 – 1 trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.1-500 ng/mL</p>	test	100
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 μIU /mL</p>	test	300



Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo : 0.88-30 pg/mL	test	300
Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL	test	300
Hóa chất xét nghiệm định lượng Tg	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin(Tg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.1-500 ng/mL	test	100
Hóa chất xét nghiệm định lượng Troponin I	*Hóa chất xét nghiệm định lượng TnI trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.006-50 ng/ml.	test	100
Hóa chất xét nghiệm định lượng AFP	*Hóa chất xét nghiệm định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-1210 ng/mL	test	100
Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA19-9	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Carbohydrate Antigen 19-9 (CA19-9) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: CA19-9 ở 2 mức nồng độ .	ML	6
Hóa chất hiệu chuẩn định lượng FT3	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free triiodothyronine (FT3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: FT3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	ML	6

 <p>Hóa chất hiệu chuẩn định lượng FT4</p>	<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ</p>	ML	6
<p>Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Tg</p>	<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroglobulin (Tg) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: Tg trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ</p>	ML	6
<p>Hóa chất hiệu chuẩn định lượng AFP</p>	<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Alpha-fetoprotein (AFP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1,C2: AFP ở 2 mức nồng độ.</p>	ML	6
<p>Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Cyfra 21-1</p>	<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng human cytokeatin 19 fragments (CYFRA 21-1) *Quy cách C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: CYFRA 21-1 trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ.</p>	ML	6
<p>Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Troponin I</p>	<p>*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin I *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ ; C2:1×2.0 mL/lọ * Thành phần: Troponin I ở 3 mức nồng độ</p>	ML	6
<p>Chất nền cho các xét nghiệm miễn dịch</p>	<p>*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.</p>	MI	1.840
<p>Hóa chất xét nghiệm định lượng CEA</p>	<p>*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng nguyên carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dãi báo cáo: 0.2-1000 ng/mL</p>	Test	100

44	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng TSH	<p>* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH)</p> <p>* Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần:</p> <p>C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1, C2: TSH ở 2 mức nồng độ.</p>	ML	6	
45	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng HCG toàn phần	<p>* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG)</p> <p>* Quy cách: C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ</p>	ML	6	
46	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng Ferritin	<p>* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin</p> <p>* Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần:</p> <p>C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1, C2: Ferritin ở 3 mức nồng độ.</p>	ML	6	
47	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CEA	<p>* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng carcinoembryonic antigen (CEA)</p> <p>* Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần:</p> <p>C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1, C2: CEA ở 3 mức nồng độ.</p>	ML	6	
48	Hóa chất hiệu chuẩn định lượng CA125	<p>* Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Cancer Antigen 125 (CA125)</p> <p>* Quy cách : C0:1×2.0 mL/lọ; C1:1×2.0 mL/lọ; C2:1×2.0 mL/lọ</p> <p>* Thành phần:</p> <p>C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1, C2: CA125 ở 3 mức nồng độ.</p>	ML	6	
Tổng: 48 Mặt hàng					



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Phan Thanh